

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4316**/UBND-NNTN
V/v tổng kết 5 năm thực
hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2011-2015

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.



TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 6443 Ngày:..... 27 8 15 Chuyên:.....

Thực hiện Công văn số 12/BCĐTW-VPĐP ngày 11/8/2015 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về việc hướng dẫn tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 (*bản chụp kèm theo*); để đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm làm cơ sở xác định nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020, Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công tại Công văn số 2044/UBND-NNTN ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân công nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, khẩn trương lập báo cáo kết quả 5 năm thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới của ngành, đơn vị mình, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *trước ngày 15/10/2015* (đồng thời gửi file mềm báo cáo về địa chỉ vpdpquangngai@gmail.com) để tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

2. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo UBND các Phòng, Ban, Đoàn thể ở huyện, thành phố và UBND các xã xây dựng báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, trên cơ sở đó, tổng hợp thành báo cáo chung của huyện, thành phố (*theo đề cương, biểu mẫu đính kèm*); gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *trước ngày 15/10/2015* (đồng thời gửi file mềm báo cáo về địa chỉ vpdpquangngai@gmail.com) để tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

- Riêng UBND các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Ba Tơ:

+ Căn cứ thực tế tại địa phương, lựa chọn 2 - 3 xã điển hình để chỉ đạo tổ chức hội nghị tổng kết, phục vụ cho hội nghị tổng kết của huyện (không nhất thiết phải tổ chức hội nghị tổng kết đại trà ở cấp xã). Thời gian tổ chức hội nghị *trong tháng 9/2015*;

+ Tổ chức hội nghị tổng kết cấp huyện để phục vụ cho hội nghị tổng kết cấp tỉnh. Thời gian hội nghị hoàn thành *trước 15/10/2015*.

Việc tổng kết, đánh giá phải đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức; rút ra được những bài học kinh nghiệm để triển khai thực hiện Chương trình có hiệu quả trong thời gian đến.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ngành, Đoàn thể và các địa phương xây dựng báo cáo tổng kết và tổ chức hội nghị tổng kết ở các huyện, xã điển hình theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh và của UBND các huyện, thành phố nêu tại điểm 1 và 2 Công văn này, tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh, trình UBND tỉnh ký, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *trước ngày 25/10/2015*.

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh vào *cuối tháng 11/2015*, trình UBND *trước ngày 30/10/2015*.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt275.



Phạm Trường Thọ



QUANG BẢNG BÁO CÁO

Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.

(Kèm theo Công văn số 123/UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 – 2015.

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền vận động

- Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
- Kết quả triển khai thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới”.
- Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền vận động. Những thuận lợi khó khăn, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động trong thời gian đến.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- a) Mô hình tổ chức từ huyện đến xã, thôn (trước QĐ 1996/QĐ-TTg)
 - Thời gian thành lập; phân công nhiệm vụ; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả chỉ đạo của các cấp...
 - Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức này
- b) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo, thành lập Văn phòng điều phối, bố trí cán bộ chuyên trách theo Quyết định 1996/QĐ-TTg.
- c) Đánh giá mặt được, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và quản lý tổ chức thực hiện Chương trình; sự phối hợp của các phòng, ban với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới ở địa phương.
- d) Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình.

3. Về cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

- a) Đánh giá việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, các sở ngành tỉnh.
- b) Đánh giá việc triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh thuộc lĩnh vực xây dựng nông thôn mới:
 - Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi thuộc 33 xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2012 - 2015;

- Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2015;

- Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã ở tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015;

- Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 ban hành quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 ban hành quy định về cơ chế hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2014 - 2015.

- Một số cơ chế chính sách khác liên quan.

c) Kiến nghị đề xuất về việc điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách đã ban hành hoặc các cơ chế, chính sách mới cần ban hành trong thời gian tới.

4. Về đào tạo, tập huấn

a) Kết quả thực hiện

- Nội dung, thời gian đào tạo, tập huấn; số lớp, số học viên tham gia;

- Thành phần, đối tượng tham gia đào tạo tập huấn.

Nếu tổ chức tham quan thì thành phần, đối tượng tham gia, thời gian, địa điểm tham quan, kết quả sau tham quan.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn, thuận lợi, khó khăn và kiến nghị đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lập quy hoạch, lập đề án xây dựng nông thôn mới

a) Lập và quản lý quy hoạch:

- Kết quả chung về triển khai xây dựng quy hoạch (chung và chi tiết), công bố và cắm mốc quy hoạch;

- Kết quả về rà soát, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có);

- Đánh giá kết quả thực hiện: chất lượng, tiến độ; thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân chậm trễ, chất lượng thấp; giải pháp tháo gỡ, khắc phục.

b) Lập đề án xây dựng nông thôn mới:

- Kết quả thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã, số xã đã xây dựng, xã chưa xây dựng, lý do;

- Đánh giá việc triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn xã so với đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt;

- Đánh giá kết quả thực hiện: chất lượng, tiến độ; thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân chậm trễ, chất lượng thấp; giải pháp tháo gỡ, khắc phục.

2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

a) Mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập

- Kết quả thực hiện các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Kết quả thực hiện các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập từ các nguồn vốn khác (135, 30a, giảm nghèo, việc làm, đào tạo nghề, khuyến nông TW, tỉnh, huyện...); các nguồn hỗ trợ khác từ các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp;

- Đánh giá kết quả xây dựng, nhân rộng một số mô hình hiệu quả trong 5 năm qua trên địa bàn (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề,...).

b) Đào tạo nghề

- Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn (ngành nghề, số lớp, số học viên...),

- Đánh giá hiệu quả sau đào tạo nghề (tỷ lệ học viên có việc làm);

- Kết quả chuyển dịch lao động nông thôn: tỷ lệ lao động nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

c) Đánh giá kết quả xây dựng, thực hiện các đề án, dự án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn.

d) Khó khăn, vướng mắc; đề xuất kiến nghị.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

a) Kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện theo nhóm tiêu chí, theo từng nguồn vốn; số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình thiết yếu (theo Biểu số 05/TK kèm theo).

b) Tổng vốn thực hiện: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.

c) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; những tiêu chí đạt thấp, nguyên nhân.

d) Đề xuất, kiến nghị thực hiện trong thời gian đến.

4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

a) Kết quả thực hiện nội dung các tiêu chí về giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường.

b) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; những tiêu chí đạt thấp, nguyên nhân.

c) Đề xuất kiến nghị, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

5. Về xây dựng hệ thống chính trị và giữ gìn an ninh trật tự

a) Kết quả thực hiện nội dung các tiêu chí hệ thống chính trị, an ninh trật tự.

b) Đánh giá chung về mức độ đạt của các tiêu chí này.

c) Đề xuất kiến nghị, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

6. Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực

a) Kết quả về huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình (Biểu số 02/TK kèm theo).

- b) Kết quả sử dụng nguồn lực đã được phân bổ (Biểu số 04/TK kèm theo).
- c) Về thực hiện phân cấp đầu tư cho xã, thôn, cộng đồng dân cư tự thực hiện theo Quyết định 498/QĐ-TTg.
- d) Đánh giá chung về huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực; thuận lợi, khó khăn, đề xuất kiến nghị thực hiện trong thời gian đến.

7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

- a) Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn (theo Biểu số 07/TK kèm theo)
- b) Đánh giá việc thực hiện tiêu chí nông thôn mới của các xã, nguyên nhân số xã đạt ít tiêu chí. Đề xuất kiến nghị

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được khi triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015.
2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm (cơ chế chính sách, chỉ đạo điều hành, huy động nguồn lực,...)

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

2. Chỉ tiêu cụ thể: chỉ tiêu cụ thể phấn đấu đạt ở năm 2020, gồm:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới;
- Bình quân số tiêu chí/xã;
- Các tiêu chí sẽ hoàn thành;
- Số xã dưới 5 tiêu chí;
- Thu nhập bình quân đầu người;
- Tỷ lệ hộ nghèo;
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế,...

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình (cụ thể đối với từng xã, từng tiêu chí, nội dung tiêu chí)

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng mức vốn

2. Cơ cấu vốn

- Ngân sách nhà nước các cấp: trực tiếp, lồng ghép;
- Vốn tín dụng;

- Vốn doanh nghiệp;
- Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

3. Dự kiến kế hoạch vốn theo từng năm thực hiện (từng năm và 5 năm)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tập trung vào công tác chỉ đạo; tổ chức quản lý, điều hành Chương trình; bố trí cán bộ chuyên trách các cấp; phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; huy động, bố trí, sử dụng nguồn lực; cơ chế chính sách đối với các vùng khó khăn, văn bản hướng dẫn của các cấp/.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2016 - 2020.**

(Kèm theo Công văn số 4316/UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện					Ước thực hiện 2015	Kế hoạch 2016 - 2020
		2011	2012	2013	2014			
	Tổng số							
I	Ngân sách TW							
1	Trái phiếu Chính phủ							
2	Đầu tư phát triển							
3	Sự nghiệp kinh tế							
II	Ngân sách địa phương							
1	Tỉnh							
2	Huyện, TP							
3	Xã							
III	Vốn lồng ghép							
IV	Vốn tín dụng							
1	- Tín dụng ưu đãi							
2	- Tín dụng thương mại							
V	Vốn doanh nghiệp							
VI	Cộng đồng dân cư							
1	Tiền mặt							
2	Ngày công lao động (công) Quy đổi thành tiền							
3	Hiển đất (m ²) Quy đổi thành tiền							
4	Vật tư (quy đổi thành tiền)							
5	...							
VII	Nguồn khác							
	...							

Ghi chú:

- Mục ngân sách TW, tỉnh, tín dụng ưu đãi, các huyện, TP không cần nhập số liệu
- Các nguồn khác có nội dung, số liệu phù hợp với Biểu 05/TK

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2011 - 2015

(Kèm theo Công văn số 4316 /UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2015									Dự kiến giai đoạn 2016 - 2020						Ghi chú		
			Khối lượng	Thành tiền									Khối lượng	Thành tiền						
				Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lòng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác		Tổng số	NSTW	NSDP	Doanh nghiệp		Dân góp	Nguồn khác
					Tổng số	NSTW	NSDP													
1	QUY HOẠCH NTM																			
	Quy hoạch																			
	Điều chỉnh, bổ sung QH																			
2	GIAO THÔNG																			
2.1	Đường xã																			
2.2	Đường thôn																			
2.3	Ngõ xóm																			
2.4	Đường nội đồng																			
	...																			
3	THỦY LỢI																			
3.1	KCH kênh mương																			
3.2	Cống																			
3.3	Trạm bơm																			
4	ĐIỆN																			
	...																			
5	TRƯỜNG HỌC																			
5.1	Trường Mầm non																			
5.2	Trường Tiểu học																			
5.3	Trường THCS																			
	...																			
6	CSVC VĂN HÓA																			
6.1	Nhà văn hóa xã																			
6.2	Khu thể thao xã																			
6.3	Nhà văn hóa thôn																			
6.4	Khu thể thao thôn																			
																			

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2015									Dự kiến giai đoạn 2016 - 2020						Ghi chú
			Khối lượng	Thành tiền						Khối lượng	Thành tiền							
				Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lĩnh ghép	Tín dụng		Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Doanh nghiệp	
	Tổng số	NSTW	NSDP															
7	CHỢ																	
8	Y TẾ																	
8.1	Trạm y tế																	
8.2	Khác																	
	...																	
9	MÔI TRƯỜNG																	
9.1	HT xử lý chất thải																	
9.2	HT Nước sinh hoạt																	
9.3	Hệ thống thoát nước																	
9.4	Nghĩa trang																	
10	NHÀ Ở DÂN CƯ																	
	...																	
11	PHÁT TRIỂN SX																	
	...																	
12	XĐ GIẢM NGHÈO																	
	...																	
13	GQ VIỆC LÀM																	
	...																	
14	PT HÌNH THỨC SX																	
	...																	
15	TUYÊN TRUYỀN																	
16	ĐÀO TẠO TẬP HUẤN																	
17	KHÁC																	
	Trụ sở UBND xã																	

Ghi chú: Các địa phương bổ sung thêm nội dung đầu tư theo thực tế tại địa bàn

TỔNG HỢP TIÊU CHÍ CÁC XÃ ĐẾN 31/12/2015

(Kèm theo Công văn số 4316/UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tiêu chí Các xã	Số TC đến 31.12.2014																			
		1. QH & Thực hiện QH	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. CS vật chất văn hóa	7. Chợ nông thôn	8. Bưu điện	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	13. Hình thức TCSX	14. Giáo dục	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường	18. T.Chức CT-XH v/ mạnh	19. An ninh trật tự xã hội	Số TC đạt đến 31/12/2015
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Xã																				
2																					
3																					
4																					
5																					
6																					
7																					
8																					
9																					
10																					
11																					
12																					
	Tổng cộng																				

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô tiêu chí đã đạt

Biểu số: 08

UBND xã:

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU ĐẠT ĐƯỢC TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI ĐẾN 31/12/2015

(Kèm theo Công văn số 416/UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Thực hiện đến 31/12/2015 (Số liệu cụ thể từng nội dung)	Đánh giá
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Đạt - Có quy hoạch - Quy hoạch được niêm yết công khai - Có quy chế quản lý QH		
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới			
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 70%		
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (≥ 70% cứng hóa)		
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	≥ 70%		
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt		
		3.2. Tỷ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa	≥ 70% (Số km được kiên cố so với số km cần kiên cố)		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt (Cơ quan quản lý hệ thống điện trên địa bàn xã xác định)		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	≥ 80%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt	100%		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Thực hiện đến 31/12/2015 (Số liệu cụ thể từng nội dung)	Đánh giá
		quy định của Bộ VH-TT-DL			
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định	Đạt - Tiêu chuẩn chợ - Quản lý điều hành		
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt		
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	≥ 80% - Đảm bảo 3 cứng - >14m ² /người - Hạn sử dụng ≥ 20 năm - Công trình phụ trợ.		
10	Thu nhập	Bình quân triệu đồng/người/năm			
		- Đến năm 2012	≥ 16		
		- Đến năm 2015	≥ 23		
		- Đến năm 2020	≥ 40		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 5%		
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	≥ 90% - LĐ trong độ tuổi - Có hộ khẩu TT tại xã - Làm việc 20ng/tháng.		
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có		
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	≥ 85%		
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 70%		
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt		
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt		
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn	≥ 85%		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2015	Kế hoạch thực hiện 2016 - 2020				
				2016	2017	2018	2019	2020
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp						
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch						
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định						
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn						
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.						
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"						
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên						
19	An ninh trật tự xã hội	An ninh trật tự xã hội được giữ vững						

Biểu số: 09

UBND xã:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Công văn số 416/UBND-NNTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2015	Kế hoạch thực hiện 2016 - 2020				
				2016	2017	2018	2019	2020
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ						
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới						
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT						
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT						
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.						
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện						
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh						
		3.2. Tỷ lệ km trên nương do xã quản lý được kiên cố hóa						
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện						
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn						
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia						
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL						

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2015	Kế hoạch thực hiện 2016 - 2020				
				2016	2017	2018	2019	2020
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL						
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định						
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.						
		8.2. Có Internet đến thôn						
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát						
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)						
		- Năm 2012						
		- Đến năm 2015						
		- Đến năm 2020						
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo						
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động						
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở						
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)						
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo						
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế						
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia						
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL						
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia						
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường						

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Thực hiện đến 31/12/2015 (Số liệu cụ thể từng nội dung)	Đánh giá
		Quốc gia			
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt		
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt		
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt		
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt		
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt		
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt		
19	An ninh trật tự xã hội	An ninh trật tự xã hội được giữ vững	Đạt		
		Số tiêu chí đạt /19 tiêu chí			
		Số nội dung đạt /39 nội dung			